**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: *TOÁN- LỚP 2***

# **BÀI: SỐ BỊ TRỪ - SỐ TRỪ - HIỆU (tiết 1)**

**Tiết chương trình: 12**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết tên goi các thành phần của phép tính trừ

-Ôn tập phép trừ trong phạm vi 10, 100

-Tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học, mô hình hóa toán học

-Tích hợp Tự nhiên và Xã hội

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

- Giáo án, SGK, SGV.

- Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TG*** | ***HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN*** | ***HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH*** |
| **5’**  **10’**  **15’**  **5’** | **1. Hoạt động khởi động**  -Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.  - GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh nhất”  - GV chia lớp thành 2 đội, đọc phép tính, HS làm trên bảng con (đội 1 làm phép tính ngang, đội 2 đặt tính).  **69 – 21 = 48**  **69**  **21**  **48**  **-**  - GV quan sát HS làm, trong một đội, ai nhanh nhất và đúng, được gắn bảng lên trước lớp.  - GV cùng cả lớp nhận xét, đánh giá, dẫn HS vào bài học mới: **Số bị trừ - Số trừ - Hiệu**  **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới**  -HS nắm được các thành phần của phép trừ và biết áp dụng để thực hành.  **Hoạt động 1: Giới thiệu tên gọi các thành phần của phép trừ**  - GV viết lại phép tính lên bảng lớp:  15  4  11  **-**  15 – 4 = 11  - GV giới thiệu tên gọi các thành phần của phép trừ (nói và viết lên bảng như sgk).    - GV lần lượt chỉ vào số 15, 4, 11 yêu cầu HS nói tên các thành phần  - GV nói tên các thành phần: số bị trừ, số trừ, hiệu yêu cầu HS nói số.  **Hoạt động 2: Thực hành**  ***\* Gọi tên các thành phần của phép trừ***  - GV cho HS nhóm đôi sử dụng sgk gọi tên các thành phần của các phép trừ (theo mẫu).  - GV sửa bài, đưa thêm một số phép trừ khác: 7 – 5 = 2, 74 – 43 = 31, 96 – 6 = 90,….  ***\* Viết phép trừ***  - GV cho HS tìm hiểu bài: nhận biết tính hiệu là thực hiện phép trừ, mỗi phép trừ thực hiện hai cách viết (hàng ngang và đặt tính), cần phải viết các phép trừ đó ra bảng con.  - GV ví dụ: Tính hiệu của 9 và 5  9  5  4  **-**  Phép trừ tương ứng là: 9 – 5 = 4  - GV lần lượt chỉ vào số 9, 5, 4 yêu cầu HS gọi tên các thành phần.  **3. Vận dụng:**  -HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua hoạt động hỏi nhanh, đáp nhanh.  - GV chuẩn bị một số bảng con, trên mỗi bảng con viết sẵn một phép cộng. Khi GV đưa bảng con ra, HS gọi tên các thành phần của phép tính.  10 – 7 = 3  24 – 13 = 11  ……  - GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS. | - HS nghe GV trình bày thể lệ trò chơi  - HS thực hiện tính nhanh  - HS nghe GV giới thiệu bài mới  - HS quan sát, ghi phép tính vào vở  - HS chú ý lắng nghe  - HS nhắc: số bị trừ, số trừ, hiệu.  - HS nhắc: 15 và 4, 11  - HS hoạt động nhóm đôi gọi tên  - HS nghe GV chữa bài, thực hiện phép trừ GV đưa ra.  - HS lắng nghe, nắm rõ kiến thức.  - HS quan sát GV làm ví dụ- HS nhắc: số bị trừ, số trừ , hiệu  - HS lắng nghe GV trình bày  - HS nêu tên các thành phần  - HS lắng nghe nhận xét |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC :**

**…………………………………………………………………………………………**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….**